

Đ: 43
H: 0.

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Môn Viết

Môn Viết

Môn Văn đáp

Môn Văn đáp

Môn học: Tiếng Anh 3 (22460307)

- Thi Viết:

Ngày thi: 26/01/2024

Số SV có mặt: 43

Giờ thi: 7g30

Số bài thi: 43

Phòng thi: D5-26

Số tờ giấy thi: 43

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 26/1

Số SV có mặt: 43

Giờ thi: 9h45

Số bài thi: 43

Phòng thi: D7-40

Số tờ giấy thi: 43

N.H. Phuc

Ng.Thuy Ha

Le TT Thuy

TT Thuy

Le TT Thuy

Le TT Thuy

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122260024	Nguyễn Quốc	Anh	14/12/2004	CCQ2226A	134	Anh	8,8	Anh	8,5	8,7	8.0	8,4	
2	2122240049	Lê Ngọc Bội	Bội	06/06/2004	CCQ2220F							0.0		
3	2122260006	Nguyễn Hoàng Tiến	Đạt	22/10/2004	CCQ2226A	358	Đạt	6,2	Đạt	8,0	7,1	8.1	7,5	
4	2122200092	Trần Võ Xuân	Diệu	25/04/2004	CCQ2220C	483	Diệu	9,3	Diệu	7,9	8,6	8.5	8,6	
5	2122200084	Võ Xuân	Đông	20/06/2004	CCQ2220C	134	Đông	8,6	Đông	6,9	7,8	8.3	8,0	
6	2122200204	Nguyễn Kim	Đông	31/08/2004	CCQ2220E	210	Đông	4,9	Đông	4,8	4,9	7.3	5,9	
7	2122270011	Bùi Hoàng	Dung	14/12/2004	CCQ2227A									
8	2122170598	Nguyễn Lê	Duy	15/10/2004	CCQ2227D	483	Duy	8,9	Duy	9,0	9,0	9.0	9,0	
9	2122200230	Phan Như	Hội	11/12/2004	CCQ2220G	483	Hội	8,5	Hội	7,4	8,0	9,1	8,4	
10	2122200226	Nguyễn Thị Cẩm	Hồng	18/10/2004	CCQ2220G	558	Hồng	9,2	Hồng	8,0	8,6	8.3	8,5	
11	2122200210	Thái Gia	Huy	18/05/2004	CCQ2220E	210	Huy	9,9	Huy	9,5	9,7	9.6	9,7	
12	2122270092	Bùi Thị Bích	Huyền	12/08/2004	CCQ2227C	134	Huyền	7,5	Huyền	4,3	5,9	6.6	6,2	
13	2122200129	Ngô Hoàng Gia	Khang	30/10/2004	CCQ2220D	483	Khang	8,5	Khang	6,6	7,6	6.9	7,3	
14	2122200125	Võ Văn	Khang	26/02/2001	CCQ2220D	358	Khang	5,7	Khang	5,7	5,7	7.9	6,6	
15	2122270060	Nguyễn Duy	Khánh	29/11/2002	CCQ2227B									
16	2122200244	Nguyễn Hữu	Lê	14/10/2002	CCQ2220G	134	Lê	9,2	Lê	7,5	8,4	9.1	8,7	
17	2122200209	Hồ Ngọc Bảo	Liêu	06/03/2004	CCQ2220E	134	Liêu	8,5	Liêu	6,8	7,7	8.4	8,0	
18	2122260025	Ngô Quang	Linh	25/06/2004	CCQ2226A	210	Linh	6,3	Linh	5,6	6,0	7.1	6,4	
19	2122190015	Phạm Yến	Lý	01/01/2004	CCQ2220E	358	Lý	6,8	Lý	7,6	7,2	8.4	7,7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Môn học: Tiếng Anh 3 (22460307)

- Thi Viết:

Ngày thi: 26/01/2024 Số SV có mặt: 43

Giờ thi: 7g30 Số bài thi: 43

Phòng thi: D5-26 Số tờ giấy thi: 43

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 26/01 Số SV có mặt: 43

Giờ thi: 9h45 Số bài thi: 43

Phòng thi: D7-40 Số tờ giấy thi: 43

Cán bộ coi thi 1

N.H. Phức

Cán bộ coi thi 2

Ng. Thúy Hằng

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

L. TT. Thanh

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

T. TT. Thúy

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

L. TT. Thanh

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

P. TT. Thúy

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2122260140	Lê Quỳnh Mai	13/03/2003	CCQ2227C	483		7,3		8,5	7,9	7,7	7,8	
21	2122270078	Nguyễn Quỳnh Xuân	15/09/2004	CCQ2227C	134		6,5		4,1	5,3	5,2	5,3	
22	2122270010	Văn Thị Nguyễn	14/06/2004	CCQ2227A	210		6,1		5,9	6,0	7,2	6,5	
23	2122270122	Phan Thị Nhân	29/11/2004	CCQ2227D	358		8,2		4,0	6,1	7,3	6,6	
24	2122200114	Nguyễn Tuyết Nhi	29/04/2004	CCQ2220D	1183		5,6		5,4	5,5	6,3	5,8	
25	2122200050	Trương Ý Như	01/07/2004	CCQ2220B	483		8,2		9,0	8,6	9,7	9,0	
26	2122200152	Huỳnh Khắc Phú	11/03/2004	CCQ2220E	359		4,3		5,2	4,8	7,6	5,9	
27	2122270071	Nguyễn Thị Thu Phương	05/02/2004	CCQ2227C	210		5,5		3,3	4,4	7,1	5,5	
28	2122200195	Vũ Thị Phương	18/02/2004	CCQ2220G	134		7,3		8,6	8,0	9,1	8,4	
29	2122200155	Nguyễn Tấn Sĩ	10/12/2004	CCQ2220E	483		6,2		9,0	7,6	8,0	7,8	
30	2122270080	Nguyễn Thanh Thái	13/07/2002	CCQ2227C	358		5,6		7,9	6,8	8,3	7,4	
31	2122200217	Thân Thị Thu	28/04/2001	CCQ2220F	210		7,7		7,4	7,6	9,1	8,2	
32	2122270007	Phan Thị Minh Thư	15/10/2004	CCQ2227A	134		7,2		5,6	6,4	5,5	6,0	
33	2122270146	Trần Nguyễn Anh Thư	05/08/2004	CCQ2227D	134		9,4		9,0	9,2	10,0	9,5	
34	2122200065	Lê Đào Xuân Tiên	12/02/2002	CCQ2220G	210		6,8		4,9	5,9	7,7	6,6	
35	2122200156	Nguyễn Tấn Tiến	10/12/2004	CCQ2220E	358		6,4		9,0	7,7	8,8	8,1	
36	2122270006	Hồ Lê Trung Tín	25/09/2004	CCQ2227A	483		6,9		5,9	6,4	7,0	6,6	
37	2122270147	Vô Bảo Toàn	25/07/2004	CCQ2227D	134		9,7		9,0	9,4	10,0	9,6	
38	2122270096	Nguyễn Trung Trục	05/06/2002	CCQ2227C	210		9,1		9,4	9,3	8,6	9,0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Môn học: Tiếng Anh 3 (22460307)

- Thi Viết:

Ngày thi: 26/01/2024

Số SV có mặt: 43

Giờ thi: 7g30

Số bài thi: 43

Phòng thi: D5-26

Số tờ giấy thi: 43

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 26/01

Số SV có mặt: 43

Giờ thi: 9h45

Số bài thi: 43

Phòng thi: D7-40

Số tờ giấy thi: 43

Cán bộ coi thi 1

N. H. Phuc

Cán bộ coi thi 2

Ng. Thủy

G. Viên chấm thi 1

Môn Viết

LOT Thac

G. Viên chấm thi 2

Môn Viết

LOT Thac

G. Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp

LOT Thac

G. Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp

min thi phuc

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
39	2122270117	Lê Thị Cẩm Tú	18/01/2004	CCQ2227D	210	LOT	7,2	LOT	6,3	5,8	7.8	6,6	
40	2122200101	Nguyễn Thị Thanh	08/01/2004	CCQ2220C	134	Thuy	8,7	Thuy	7,7	8,2	6.8	7,6	
41	2122270137	Tô Phương Uyên	24/09/2004	CCQ2227D	603	Phuong	9,0	Phuong	8,3	8,7	8.7	8,7	
42	2122270120	Nguyễn Thị Thu Vân	19/09/2004	CCQ2227D	358	Van	8,4	Van	9,0	8,7	9.4	9,0	
43	2122200227	Đoàn Thị Mỹ Viên	14/06/2004	CCQ2220G	210	My	6,7	My	6,5	6,6	9.0	7,6	
44	2122270090	Lê Tuấn Vũ	20/05/2004	CCQ2227C	134	Vu	7,5	Vu	6,8	7,2	7.4	7,3	
45	2122240057	Châu Thị Bích Vy	14/04/2004	CCQ2220E	483	Bich	6,5	Bich	4,8	5,7	7.4	6,4	
46	2122200198	Nguyễn Thị Kiều Vy	23/03/2004	CCQ2220C	358	Kieu	6,7	Kieu	6,2	6,5	7.4	6,9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Môn học: Tiếng Anh 3 (22460308)

- Thi Viết:

Ngày thi: 26/01/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 24

Số bài thi: 24

Số tờ giấy thi: 24

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 26/01

Giờ thi: 9h45

Phòng thi: D7-39

Số SV có mặt: 24

Số bài thi: 24

Số tờ giấy thi: 24

Cán bộ coi thi 1

Mr
Ng Thi
Thanh
Thao

Cán bộ coi thi 2

Thuy
Phan
Thuy Van

G. Viên chấm thi 1

Môn Viết
Lan Thao

G. Viên chấm thi 2

Môn Viết
T.T. Thuy

G. Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp
P.T. Thuy

G. Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp
T.T. H. Thuy

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122260152	Đặng Hoàng Phương	Anh	12/02/2004	CCQ2226E	134	AN	8,5	PH	7,2	7,9	9,4	8,5	
2	2122200006	Huỳnh Bảo	Châu	11/03/2004	CCQ2220A	210	Chau	7,2	Chau	5,7	6,5	8,9	7,5	
3	2122270050	Trần Thị	Đạm	30/12/2004	CCQ2227B	358	Tran	8,0	Tran	7,4	7,7	8,5	8,0	
4	2122200059	Nguyễn Thị Mỹ	Đào	13/07/2004	CCQ2220B	483	Dao	6,8	Dao	3,0	4,9	9,0	6,5	
5	2122200076	Nguyễn Lâm Khả	Di	09/07/2004	CCQ2220C	134	Di	9,9	Di	8,4	9,2	9,5	9,3	
6	2122200017	Lê Thị Ngọc	Duyên	21/05/2004	CCQ2220A	210	Duyen	5,2	Duyen	4,0	4,6	8,2	6,0	
7	2122120078	Phạm Kiều	Giang	10/03/2004	CCQ2220C	483	Pham	5,5	Pham	5,6	5,6	7,1	6,2	
8	2122260153	Hồ Thị Gia	Hân	08/02/2004	CCQ2226E	358	Han	5,3	Han	5,4	5,4	8,4	6,6	
9	2122260128	Huỳnh Thị Ngọc	Hân	06/07/2004	CCQ2226C	210	Han	6,6	Han	5,5	6,1	8,6	7,1	
10	2122200023	Đỗ Thị Thu	Hằng	01/05/2004	CCQ2220A	134	Hang	7,4	Hang	6,3	6,9	8,2	7,4	
11	2122270005	Phạm Thị Mỹ	Huyền	21/01/2004	CCQ2227A	483	Huyen	8,4	Huyen	8,0	8,2	8,2	8,2	
12	2122270134	Nguyễn Dương	Kiệt	21/11/2004	CCQ2227C	358	Kiet	7,5	Kiet	5,9	6,7	8,2	7,3	
13	2122200128	Huỳnh Thị Xa	Lam	22/06/2004	CCQ2220D	210	Lam	6,5	Lam	6,7	6,6	7,6	7,0	
14	2122200007	Nguyễn Thị Hoài	Lam	03/11/2004	CCQ2220A	358	Lam	7,9	Lam	3,7	5,8	8,1	6,7	
15	2122200142	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	03/03/2004	CCQ2220E	483	Linh	8,6	Linh	6,2	7,4	8,8	8,0	
16	2122200036	Nguyễn Thị Minh	Lư	09/03/2004	CCQ2220B	134	Lu	7,5	Lu	4,3	5,9	7,3	6,5	
17	2122270141	Nguyễn Trọng	Lư	08/08/2004	CCQ2227B									
18	2122270029	Nguyễn Gia	Mẫn	05/05/2004	CCQ2227A	210	Minh	6,4	Minh	3,2	4,8	7,5	5,9	
19	2122200176	Nguyễn Thị Kim	Na	23/08/2004	CCQ2220F	134	Na	6,4	Na	2,5	7,0	8,0	7,4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Tiếng Anh 3 (22460308)

- Thi Viết:

Ngày thi: 26/01/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 24

Số bài thi: 24

Số tờ giấy thi: 24

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 26/01

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D7-39

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

[Signature]
Nguyễn Thị
Thanh
Thảo

[Signature]
Lê Phan
Thủy Tiên

[Signature]
Lê Thị
Thảo

[Signature]
Đỗ Thị
Thảo

[Signature]
Trần Thị
Thảo

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2122200205	Đặng Thị Kim	Ngân	25/10/2004	CCQ2220E	483	<i>[Signature]</i>	6,6	<i>[Signature]</i>	7,0	6,8	8.1	7,3	
21	2122260151	Đỗ Nguyễn Xuân	Nghi	20/12/2004	CCQ2226E	358	<i>[Signature]</i>	8,2	<i>[Signature]</i>	7,4	7,8	8.0	7,9	
22	2122270041	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	26/05/2004	CCQ2227B	210	<i>[Signature]</i>	8,2	<i>[Signature]</i>	7,1	7,7	8.0	7,8	
23	2122200005	Trần Thị	Nhân	12/01/2003	CCQ2220A	134	<i>[Signature]</i>	8,5	<i>[Signature]</i>	8,2	8,4	8.3	8,4	
24	2122200016	Lê Nguyễn Uyên	Nhi	31/10/2004	CCQ2220A	483	<i>[Signature]</i>	7,3	<i>[Signature]</i>	4,3	5,8	8.6	6,9	
25	2122270157	Nguyễn Thị Yến	Nhi	02/04/2004	CCQ2227E	358	<i>[Signature]</i>	8,2	<i>[Signature]</i>	6,0	7,2	8.5	7,7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Phan Kim Ngân

Cán bộ coi thi 2

Lê P. Tiến

G. Viên chấm thi 1

Môn Viết

Le Thanh

G. Viên chấm thi 2

Môn Viết

Đ. TT. Thúy

G. Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp

P.T. W.

G. Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp

T.T. A. Khương

Môn học: Tiếng Anh 3 (22460308)

- Thi Viết:

Ngày thi: 26/01/2024

Số SV có mặt: 25

Giờ thi: 7g30

Số bài thi: 25

Phòng thi: D5-28

Số tờ giấy thi: 25

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 26/01

Số SV có mặt: 25

Giờ thi: 9g45

Số bài thi: 25

Phòng thi: D7-39

Số tờ giấy thi: 25

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122200119	Nguyễn Thị Cẩm Nhung		26/11/2003	CCQ2220D	483		7,8		4,1	6,0	8.0	6,8	
2	2122200045	Trần Thị Lan Phương		28/09/2004	CCQ2220B	134		6,6		5,6	6,1	8.1	6,9	
3	2122270051	Mai Thị Thanh Phương		22/09/2004	CCQ2227B	210		6,9		5,1	6,0	8.0	6,8	
4	2122260147	Trần Ngọc Phương		22/12/2004	CCQ2226C	358		6,4		6,0	6,2	8.4	7,2	
5	2122270084	Nguyễn Thị Mỹ Quyên		29/08/2004	CCQ2227C	483		6,2		6,0	6,1	8.0	6,9	
6	2122270153	Châu Thị Mỹ Quyên		14/06/2004	CCQ2227E	134		6,3		7,2	6,8	8.0	7,3	
7	2122200083	Trần Thị Thanh Tâm		20/07/2004	CCQ2220C	210		6,8		5,2	6,0	7.2	6,5	
8	2122270086	Châu Võ Nhật Tân		13/01/2004	CCQ2227C	358		9,1		7,8	8,5	9.3	8,8	
9	2122200008	Trần Thị Lệ Thắm		17/01/2004	CCQ2220A	483		8,2		5,3	6,8	8.5	7,5	
10	2122200207	Dương Thị Thanh Thảo		11/06/2004	CCQ2220E	134		5,7		8,5	7,0	8.6	7,6	
11	2122200099	Nguyễn Thị Ngọc Thảo		06/08/2004	CCQ2220C	210		5,9		7,5	6,7	7.1	6,9	
12	2122200051	Lê Thị Mỹ Thi		17/06/2004	CCQ2220B	358		7,5		7,6	7,6	8.3	7,9	
13	2122270046	Trương Thị Diễm Thi		12/04/2004	CCQ2227B	483		6,3		7,1	6,7	8.6	7,5	
14	2122200184	Nguyễn Thị Anh Thư		26/10/2003	CCQ2220F	134		7,5		7,0	7,3	7.5	7,4	
15	2122200134	Lê Thị Thu Thường		28/04/2004	CCQ2220D	201		9,2		8,3	8,8	8.7	8,8	
16	2122170596	Nguyễn Quốc Tín		01/11/2004	CCQ2227E	358		6,0		8,7	4,9	6.7	5,6	
17	2122200040	Nguyễn Thu Tinh		01/02/2004	CCQ2220B	483		8,8		8,3	8,6	8.9	8,7	
18	2122270150	Hồ Lương Huyền Trân		22/08/2004	CCQ2227E	134		7,0		6,1	6,6	7.7	7,0	
19	2122200057	Trần Trường Đoan Trang		18/08/2004	CCQ2220B	210		6,3		8,1	6,2	8.2	7,0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Môn học: Tiếng Anh 3 (22460308)

- Thi Viết:

Ngày thi: 26/01/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 25

Số bài thi: 25

Số tờ giấy thi: 25

- Thi Văn đáp:

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

Số SV có mặt: 25

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Phan Kim Ngân

Cán bộ coi thi 2

Lê P. Tiến

G.Viên chấm thi 1

Môn Viết

Nguyễn Thị Thanh

G.Viên chấm thi 2

Môn Viết

Nguyễn Thị Thanh

G.Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp

Nguyễn Thị Thanh

G.Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp

Nguyễn Thị Thanh

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2122200047	Châu Ngọc Trinh	05/02/2003	CCQ2220B	358	Trần	8,0	Trần	6,9	7,5	9,0	8,1	
21	2122120234	Lê Thị Lệ Văn	14/05/2004	CCQ2220A	483	Văn	6,8	Có thi	6,7	6,6	7,8	7,1	
22	2122260002	Chu Thị Nguyệt Vy	02/04/2004	CCQ2226A	134	Vy	9,3	Vy	6,6	8,0	8,3	8,1	
23	2122200196	Trần Nguyễn Thuý Vy	06/08/2004	CCQ2220B	210	Trần	7,5	Trần	6,6	7,1	8,5	7,7	
24	2122120417	Văn Thị Vy	29/09/2004	CCQ2220E	358	Vy	7,3	Vy	3,2	5,3	7,5	6,2	
25	2122200035	Trần Thanh Xuân	21/08/2003	CCQ2220B	483	Trần	9,5	Trần	7,3	8,4	8,5	8,4	